

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ PLEIKU**

**TỈNH GIA LAI**

Bản án số: 09/2021/HS-ST

Ngày: 29-01-2021

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Văn Hạnh và bà Hồ Thị Ánh.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Hà - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Hóa - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân D thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 187/2020/TLST-HS ngày 20 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 200/2020/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 12 năm 2020, đối với các bị cáo:

**1. NGUYỄN VĂN B**, sinh năm 1985 tại Gia Lai; nơi cư trú: Tổ K, phường H, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1950 và bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1955, bị cáo có vợ là Hà Thị Minh T, sinh năm 1986; bị cáo có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2009; nhỏ nhất sinh ngày 2015; tiền án, tiền sự: Không.

Ngày 30-3-2020, tham gia đánh bạc bị bắt quả tang và bị tạm giữ; ngày 08-4-2020, bị khởi tố và bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Có mặt.

**2. PHẠM HỒNG J**, sinh năm 1987 tại Gia Lai; nơi cư trú: Tổ A, phường B, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn A, sinh năm 1967 và bà Phạm Thị B, sinh năm 1971 bị cáo có vợ là Phạm Thị Thành H, sinh năm 1987; bị cáo có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2014, nhỏ nhất sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không.

Về nhân thân: Ngày 12/9/2006, bị Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử Phúc thẩm, tuyên phạt 18 tháng tù về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo khoản 2, Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009; chấp hành án tại Trại tạm giam Công an tỉnh Gia Lai. Ngày 25/10/2007, chấp hành xong hình phạt (lần kết án này, bị cáo Phạm Hồng J đã được xóa án tích).

Ngày 30/3/2020, tham gia đánh bạc bị bắt quả tang và bị tạm giữ; ngày 08/4/2020, bị khởi tố và bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Có mặt.

3. **NGÔ VĂN H**, sinh năm 1979 tại Gia Lai; nơi cư trú: Tổ C, phường E, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 5/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1950 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1950, bị cáo có vợ là Phạm Thị M, sinh năm 1980; bị cáo có 03 người con, lớn nhất sinh năm 1998, nhỏ nhất sinh năm 2002; tiền án, tiền sự: Không.

Về nhân thân: Ngày 05/4/2011, bị Tòa án nhân dân thành phố Pleiku xét xử, tuyên phạt 04 năm tù về tội “*Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ*” theo khoản 2, Điều 202 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009; chấp hành án tại Trại tạm giam Công an tỉnh Gia Lai. Ngày 31/8/2015, chấp hành xong hình phạt (lần kết án này, bị cáo Ngô Văn H đã được xóa án tích).

Ngày 30/3/2020, tham gia đánh bạc bị bắt quả tang và bị tạm giữ; ngày 08/4/2020, bị khởi tố và bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Có mặt.

4. **NGUYỄN TRƯỜNG A**, sinh năm 1983 tại Gia Lai; nơi cư trú: Tổ E, phường T, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Ngọc C, sinh năm 1950 và bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1956; bị cáo chưa có vợ; tiền án, tiền sự: Không.

Ngày 30/3/2020, tham gia đánh bạc bị bắt quả tang và bị tạm giữ; ngày 08/4/2020, bị khởi tố và bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Có mặt.

5. **THÁI ANH K**, sinh năm 1970 tại Phú Thọ; nơi cư trú: Tổ E, phường H, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Thái Văn M (đã chết) và bà Vũ Thị T, sinh năm 1941; bị cáo có vợ là Phan Thị B, sinh năm 1977; bị cáo có 02 người con, lớn nhất sinh năm 1994, nhỏ nhất sinh năm 2005;

Tiền án, tiền sự: Không.

Ngày 30/3/2020, cho các bị cáo trong vụ án đánh bạc tại quán của mình; ngày 08/4/2020, bị khởi tố và bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Có mặt.

6. **NGUYỄN AN D**, sinh năm 1970 tại Gia Lai; nơi cư trú: Tổ M, phường H, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L (đã chết) và bà Nguyễn Thị L (đã chết); bị cáo có vợ là Nguyễn Thị B, sinh năm 1975; bị cáo có 02 người con, lớn nhất sinh năm 1998, nhỏ nhất sinh năm 2002;

Tiền án, tiền sự: Không.

Ngày 30/3/2020, tham gia đánh bạc, ngày 27-7-2020 bị khởi tố và bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Có mặt.

7. **NGUYỄN VĂN Y**, sinh năm 1984 tại Gia Lai; nơi cư trú: Tổ B, phường K, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1955 và bà Lê Thị T, sinh năm 1965; bị cáo có vợ là Lê Thị Thanh T, sinh năm 1988; bị cáo có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2014, nhỏ nhất sinh năm 2017;

Tiền án, tiền sự: Không.

Ngày 30/3/2020, tham gia đánh bạc; ngày 05-10-2020, bị khởi tố và bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Có mặt.

- *Người chứng kiến:*

Ông Phạm H. Địa chỉ: Tổ H, phường K, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1. Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Trên cơ sở kết quả điều tra, theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn B, Ngô Văn H, Phạm Hồng J và Nguyễn Trường A có quen biết nhau và đều là lái xe taxi hãng Hùng Nhân Gia Lai, đưa đón khách tại khu vực Sân Bay Pleiku. Trước ngày bị bắt khoảng 04 ngày B vào quán tạp hóa ở khu vực Trung tâm thương mại thành phố Pleiku (không rõ quán nào) mua 01 đĩa và 01 tô bằng kim loại, rồi đi đến quán tạp hóa ở đường hẻm Lê Lợi, phường HL, thành phố Pleiku (không rõ quán nào) mua 06 hộp xúc sắc bằng giấy hình lập phương có hình Bầu, Cua, Tôm, Cá, Gà, Nai và 01 tấm bạt có kích thước (88x56)cm có in hình Bầu, Cua, Tôm, Cá, Gà, Nai. Vào khoảng 15 giờ đến 17 giờ trong các ngày 28-3-2020 và 29-3-2020, B đem dụng cụ trên đến quán cà phê của Thái Anh K ở Tổ E, phường H, thành phố Pleiku. Tại đây, B làm cái và xóc cho một số người (chưa rõ nhân thân, lai lịch) đánh bầu cua với B, ăn thua bằng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Sau khi nghỉ B cất dụng cụ đánh bầu, cua nêu trên lên kệ gỗ ở sau quán cà phê của K rồi đi về.

Vào khoảng 15 giờ 30 phút ngày 30-3-2020, B đem theo ví da bên trong 7.200.000 đồng rồi nhờ P.V.H (sinh năm 1966, trú tại Tổ E, phường I, thành phố Pleiku) chở đến quán của K uống cà phê thì Ngô Văn H gọi điện thoại hỏi B đang ở đâu, B trả lời "*Đang ở quán anh K*", H hỏi "*Có đánh bài không*", B trả lời "*Nay máy bay không hạ, có uống cà phê không ra đây và trả cho em 500.000 đồng*", H nói "*Chưa có tiền, chiều ra tao trả cho*", rồi cúp máy. Lúc này, B thấy 02 người đàn ông lái xe taxi hãng Mai Linh Gia Lai (không rõ nhân thân, lai lịch) đang uống cà phê tại đây nên B rủ 02 người này đánh bầu cua thì 02 người này đồng ý. B ra kệ gỗ phía sau quán cà phê của K lấy bộ bầu cua mà B cất trước đó, rồi nói K cho

B đánh bầu cua tỳ, K đồng ý và nói “Đánh nhỏ thôi”. Khi vào đánh bạc, B dùng toàn bộ số tiền 7.200.000 đồng để đánh bạc, sau đó B làm cái xóc đánh Bầu, Cua, Tôm, Cá, Gà, Nai với 02 người đàn ông lái xe taxi hãng Mai Linh thắng thua bằng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, thì Phạm Hồng J và Nguyễn An D đến. Khi đến quán của K, trong ví của J có 6.020.000 đồng; D có 7.520.000 đồng; thấy trong quán của K có đánh bầu cua do B làm cái nên J lấy ra 2.000.000 đồng cầm trên tay rồi ngồi xuống sòng đánh bầu cua với B; D lấy ra 20.000 đồng cùng đánh với bầu cua với B cùng 02 người đàn ông lái xe taxi Mai Linh. D đặt 01 ván 20.000 đồng, do bị thua nên D không chơi nữa mà lên ghế ngồi uống nước và xem B xóc bầu cua, lúc này 02 người lái xe taxi Mai Linh không chơi nữa mà đi đón khách. Trong khi làm cái và xóc bầu cua, B lấy từ trong ví ra 03 lần; lần thứ nhất 1.500.000 đồng, lần thứ hai: 2.000.000 đồng và lần thứ B: 200.000 đồng; số tiền này, B cất trong túi quần và cầm trên tay. Đến khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày, thì Ngô Văn H đem theo 6.516.000 đồng đi đến quán cà phê của K. Khi đến quán, H lấy trong ví ra 500.000 đồng rồi cùng đánh bầu cua ăn thua bằng tiền với B. Khi 02 người lái xe taxi hãng Mai Linh vừa đi thì Nguyễn Trường A đi đến quán của K, trong ví của A có 2.500.000 đồng, A lấy ra 400.000 đồng rồi cùng đánh bầu cua ăn thua bằng tiền với B. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, Nguyễn Văn Y đến quán của K để trả nợ mà Y nợ trước đó. Sau khi trả nợ quán xong, thấy phòng phía sau quán, B đang xóc bầu cua nên Y đi đến ngồi xuống tham gia đánh 02 đến 03 ván, mỗi ván 20.000 đồng để thắng thua với B. Đến 17 giờ 10 phút ngày 30/3/2020, khi Ngô Văn H, Phạm Hồng J, Nguyễn Trường A và Nguyễn Văn Y đang đánh bầu, cua ăn thua bằng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam với Nguyễn Văn B, thì bị Công an phường TN phát hiện, bắt quả tang B, H, A và J về hành vi đánh bạc, còn Y chạy thoát. Công an Công an phường TN thu giữ tại chiếu bạc, gồm: 300.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; 01 tờ bạc (bằng giấy dẻo) kích thước (88x56)cm, in hình Bầu, Cua, Tôm, Cá, Gà, Nai; 06 hột xúc sắc hình lập phương, in hình Bầu, Cua, Tôm, Cá, Gà, Nai; 01 bát tròn bằng kim loại và 01 đĩa tròn bằng kim loại; thu trên tay của Phạm Hồng J 1.700.000 đồng; thu trong túi quần của Nguyễn Trường A 290.000 đồng; thu trong túi quần của Nguyễn Văn B 4.500.000 đồng. Tổng cộng 6.790.000 đồng. Ngoài ra, Cơ quan điều tra còn thu giữ của Nguyễn Văn B, gồm: 01 ví da bên trong có 3.500.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus; 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1202; 01 đăng ký xe biển số 81B1-711.xx mang tên Phương Minh K; 01 giấy phép lái xe hạng A1 và 01 Chứng minh nhân dân số 230624xxx đều mang tên Nguyễn Văn B. Thu giữ của Phạm Hồng J, gồm: 01 ví da, bên trong có 4.010.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo. Thu giữ của Nguyễn Trường A: 01 ví da bên trong có 2.100.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A10; 01 Chứng minh nhân dân số 230651xxx; 01 giấy phép lái xe số 640183032xxx và 01 giấy phép lái xe 640085000xxx. Thu giữ của Ngô Văn H: 01 ví da, bên trong có 6.016.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo-F9. Thu giữ của Nguyễn An D: 01 ví da, bên trong có 7.500.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A107F.

Hình thức đánh bạc thông qua việc đánh Bầu, Cua, Tôm, Cá, Gà, Nai được thua bằng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; nhiều người đánh với một người;

Nguyễn Văn B là người làm cái (xóc); Phạm Hồng J, Nguyễn Trường A, Ngô Văn H, Nguyễn An D và Nguyễn Văn Y đều đánh bạc với B. Trước khi đánh, B bỏ 03 hột xúc sắc giấy hình lập phương vào đĩa, úp bát lại rồi xóc; các con bạc đặt cược số tiền từ 10.000 đồng đến 100.000 đồng vào 06 hình in trên tám bát Bầu, Cua, Tôm, Cá, Gà, Nai; rồi B mở bát ra. Nếu 03 hột xúc sắc hình lập phương có in hình nào thì B trả cho người chơi tương ứng với số tiền đặt cược (ví dụ: 01 con Cua thì phải trả 10.000 đồng hoặc 100.000 đồng; nếu 02 con Cua thì trả tương ứng 20.000 đồng hoặc 200.000 đồng; nếu có 03 con Cua thì B phải trả tương ứng 30.000 đồng hoặc 300.000 đồng) nếu không có Cua thì B ăn hết số tiền đã đặt cược.

Các bị cáo Nguyễn Văn B, Phạm Hồng J, Ngô Văn H, Nguyễn Trường A, Thái Anh K và Nguyễn An D đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo TN như cáo trạng đã truy tố về hành vi phạm tội của các bị cáo.

Đối với Nguyễn Văn Y, quá trình điều tra tuy Y không thừa nhận đã đánh bạc dưới hình thức đánh bầu cua với Nguyễn Văn B, nhưng trên cơ sở lời khai của Nguyễn Văn B, Ngô Văn H và các lời khai ban đầu của Phạm Hồng J đều khai nhận là Y có dùng tiền và tham gia đánh bạc với B. Do đó, có đủ căn cứ xác định Nguyễn Văn Y là đồng phạm trong vụ án. Tại phiên tòa, bị cáo Y đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình, bị cáo khai có dùng 20.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước để tham gia đánh bạc, bị cáo đánh thắng một lần và thua một lần; bị cáo Y TN như cáo trạng đã truy tố về hành vi phạm tội của bị cáo.

## 2. Các vấn đề khác:

Đối với 01 đăng ký xe biển số 81B1-711.xx, 01 giấy phép lái xe số 640094002xxx, 01 ví da không rõ nhãn hiệu và 01 Chứng minh nhân dân đều mang tên Nguyễn Văn B, không liên quan đến hành vi phạm tội; Cơ quan điều tra đã trả lại cho Nguyễn Văn B.

Đối với các tài sản đã thu giữ của Phạm Hồng J, gồm: 01 ví da kích thước (9,5x11)cm không liên quan đến hành vi phạm tội, Cơ quan điều tra đã trả lại cho Phạm Hồng J.

Đối với tài sản đã thu giữ của Nguyễn Trường A, gồm: 01 ví da, 01 Chứng minh nhân dân số 230651xxx; 01 giấy phép lái xe số 640183032xxx và 01 giấy phép lái xe 640085000xxx đều mang tên Nguyễn Trường A, không liên quan đến hành vi phạm tội; Cơ quan điều tra trả lại cho Nguyễn Trường A.

Đối với tài sản đã thu giữ của Ngô Văn H, gồm: 01 ví da, 01 Chứng minh nhân dân mang tên Ngô Văn H, không liên quan đến hành vi phạm tội; Cơ quan điều tra đã trả lại cho Ngô Văn H.

Đối với tài sản đã thu giữ của Nguyễn An D, gồm: 01 ví da, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A107F, không liên quan đến hành vi phạm tội, Cơ quan điều tra đã trả lại cho Nguyễn An D.

## 3. Cáo trạng của Viện kiểm sát:

Bản cáo trạng số: 189/CT-VKS ngày 20-11-2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn B, Phạm Hồng J, Ngô Văn H, Nguyễn Trường A, Thái Anh K, Nguyễn An D và Nguyễn

Văn Y về tội “*Đánh bạc*” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo Nguyễn Văn B, Phạm Hồng J, Ngô Văn H, Nguyễn Trường A, Thái Anh K, Nguyễn An D và Nguyễn Văn Y và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hình sự:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn B, Phạm Hồng J, Ngô Văn H, Nguyễn Trường A, Thái Anh K, Nguyễn An D và Nguyễn Văn Y phạm tội “*Đánh bạc*”.

Đề nghị áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Văn B;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B với mức án từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng.

Về hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo Nguyễn Văn B từ 10.000.000đồng đến 15.000.000đồng để sung Ngân sách Nhà nước.

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Phạm Hồng J.

Xử phạt bị cáo Phạm Hồng J với mức án từ 09 tháng đến 01 năm tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm 08 tháng đến 02 năm.

Miễn phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Phạm Hồng J.

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Ngô Văn H;

Xử phạt bị cáo Ngô Văn H với mức án từ 09 tháng đến 01 năm tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm 08 tháng đến 02 năm.

Miễn phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Ngô Văn H

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 36; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Thái Anh K.

Xử phạt bị cáo Thái Anh K với mức án từ 06 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ.

Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Thái Anh K

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 36; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn An D;

Xử phạt bị cáo Nguyễn An D với mức án từ 06 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ.

Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Nguyễn An D

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 35 Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Trường A và bị cáo Nguyễn Văn Y.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trường A và bị cáo Nguyễn Văn Y mỗi bị cáo từ 20.000.000đồng (hai mươi triệu đồng) đến 30.000.000đồng (B mươi triệu đồng)

để sung Ngân sách Nhà nước.

Về xử lý vật chứng:

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và căn cứ khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với 01 tấm bạt (bằng giấy dẻo) kích thước (88x56)cm có in hình Bàu, Cua, Tôm, Cá, Gà, Nai; 06 hộp xúc sắc hình lập phương, in hình Bàu, Cua, Tôm, Cá, Gà, Nai, 01 bát tròn bằng kim loại và 01 đĩa tròn bằng kim loại đã qua sử dụng là tài sản của Nguyễn Văn B, nhưng B đã sử dụng các tài sản này làm công cụ thực hiện việc đánh bạc nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với số tiền là 6.790.000đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thu giữ tại chiếu bạc. Xét đây là số tiền mà các bị cáo dùng để đánh bạc được thu giữ tại chiếu bạc nên cần tịch thu sung Ngân sách Nhà nước.

Đối với các tài sản đã thu giữ của Nguyễn Văn B, gồm: 3.500.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Xét đây là tiền mà bị cáo B dùng để đánh bạc nên cần tịch thu sung Ngân sách Nhà nước.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus và 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu xám 1202. Xét đây là tài sản của bị cáo B không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn B.

Đối với tài sản đã thu giữ của Phạm Hồng J tổng cộng là 6.010.000đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Trong đó bị cáo J dùng số tiền là 2.000.000đồng để đánh bạc nên cần tịch thu sung Ngân sách Nhà nước; Số tiền còn lại 4.010.000đồng và 01 điện thoại di động hiệu Oppo. Xét đây là tài sản của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo Phạm Hồng J.

Đối với tài sản đã thu giữ của Nguyễn Trường A tổng cộng là 2.500.000đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Trong đó bị cáo A dùng 400.000đồng để đánh bạc nên cần tịch thu sung Ngân sách Nhà nước; số tiền còn lại 2.100.000đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A10. Xét đây là tài sản của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo Nguyễn Trường A.

Đối với tài sản đã thu giữ của Ngô Văn H tổng cộng là 6.516.000đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Trong đó bị cáo H dùng 500.000đồng để đánh bạc nên cần tịch thu sung Ngân sách Nhà nước. Số tiền còn lại 6.016.000đồng và chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo-F9. Xét đây là tài sản của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo Ngô Văn H.

Đối với tài sản đã thu giữ của Nguyễn An D, gồm: 7.500.000đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Xét đây là tài sản của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo Nguyễn An D.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn Y, quá trình tham gia đánh bạc bị cáo dùng 20.000đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam để tham gia đánh bạc nên buộc bị cáo Y phải nộp số tiền này để sung Ngân sách Nhà nước.

Về án phí: Buộc các bị cáo Nguyễn Văn B, Phạm Hồng J, Ngô Văn H, Nguyễn Trường A, Thái Anh K, Nguyễn An D và Nguyễn Văn Y mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo nhất trí với quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng của các bị cáo trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án: Các bị cáo thấy việc làm của mình là vi phạm pháp luật, các bị cáo rất hối hận vì việc làm của mình, kính mong Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt và giảm mức phạt tiền cho các bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân D thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc có khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi bị truy tố của các bị cáo:

Xét thấy lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án cũng như biên bản bắt người phạm tội quả tang. Như vậy, có đủ căn cứ để kết luận các bị cáo Nguyễn Văn B, Phạm Hồng J, Ngô Văn H, Nguyễn Trường A, Thái Anh K, Nguyễn An D và Nguyễn Văn Y phạm tội như sau:

Xuất phát từ mục đích tư lợi cá nhân, nên khoảng từ 16 giờ ngày 30/3/2020, tại nhà của Thái Anh K ở Tổ E, phường H, thành phố Pleiku, Nguyễn Văn B, Ngô Văn H, Phạm Hồng J, Nguyễn Trường A, Nguyễn An D và Nguyễn Văn Y có hành vi đánh bạc thông qua hình thức đánh bầu cua được thua bằng tiền. Đến 17 giờ 10 phút cùng ngày, khi B đang đánh bạc với Ngô Văn H, Phạm Hồng J, Nguyễn Trường A và Nguyễn Văn Y thì bị Công an phường TN, thành phố Pleiku phát hiện bắt quả tang B, H, A và J, còn Y chạy thoát; thu giữ tại chiếu bạc tiền mà các bị cáo dùng để trực tiếp đánh bạc là 6.790.000đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, thu giữ trên tay bị cáo B 3.500.000đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Tại phiên tòa, bị cáo Y đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình bị cáo khai có dùng 20.000đồng tiền Ngân hàng Nhà nước để tham gia đánh bạc, bị cáo đánh thắng một lần và thua một lần. Như vậy tổng số tiền mà các bị cáo dùng đánh bạc là 10.310.000đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; 01 tờ bạc (bằng giấy dẻo) kích thước (88x56)cm có in hình Bầu, Cua, Tôm, Cá, Gà, Nai; 06 hột xúc sắc hình lập phương, in hình Bầu, Cua, Tôm, Cá, Gà, Nai, 01 bát tròn bằng kim loại và 01 đĩa tròn bằng kim loại.



Hành vi trên của các bị cáo Nguyễn Văn B, Phạm Hồng J, Ngô Văn H, Nguyễn Trường A, Thái Anh K, Nguyễn An D và Nguyễn Văn Y đã phạm vào tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự quy định:

*“1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.*

Đánh bạc trái phép là một tệ nạn xã hội, xâm phạm đến trật tự nếp sống văn minh, gây mất trật tự trị an xã hội. Trong tình hình hiện nay, trên địa bàn thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai tội phạm đánh bạc đang có chiều hướng gia tăng cả về số lượng, quy mô và dưới nhiều hình thức. Động cơ, mục đích của các đối tượng đánh bạc bằng hình thức đánh bầu cua và hướng tới việc thu lợi bất chính. Các bị cáo đều nhận thức rõ đánh bạc trái phép là vi phạm pháp luật nhưng vì ham lợi nên các bị cáo vẫn cố tình thực hiện. Đây là vụ án đồng phạm nhưng mang tính chất giản đơn. Trong đó bị cáo B là người khởi xướng, các bị cáo J, H, A, D và Y là người cùng với bị cáo B thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo K thực hiện với vai trò giúp sức. Vì vậy, việc Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku quyết định truy tố ra trước Tòa án nhân dân thành phố Pleiku để xét xử đối với các bị cáo Nguyễn Văn B, Phạm Hồng J, Ngô Văn H, Nguyễn Trường A, Thái Anh K, Nguyễn An D và Nguyễn Văn Y về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Hội đồng xét xử xét cần phân hóa vai trò, hành vi của từng bị cáo nhằm xử phạt các bị cáo một mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, vai trò và hành vi phạm tội của từng bị cáo nhằm giáo dục các bị cáo cải tạo bản thân tiến bộ là cần thiết và có tác dụng giáo dục riêng đối với các bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo và tỏ thái độ ăn năn hối cải. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Các bị cáo B, A, K, D và Y phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo được quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Bị cáo J và bị cáo H có hoàn cảnh gia đình khó khăn; Các bị cáo là lao động chính trong gia đình, bị cáo H phải nuôi con nhỏ, bị cáo J phải nuôi ba con nhỏ; Các bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng; Bị cáo K từng tham gia quân ngũ đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo H, J và K được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm

2017. Vì vậy, Hội đồng xét xử sẽ xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo khi quyết định hình phạt.

Đề quyết định mức hình phạt chính xác, phù hợp vừa đảm bảo tác dụng cải tạo, răn đe và phòng ngừa chung, đồng thời nêu cao tính nhân đạo và khoan hồng của pháp luật. Qua xem xét các bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, đối chiếu với các quy định tại Điều 31, 32, 36, 50, 51, 65 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xét nên áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo đối với các bị cáo B, J và H cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục các bị cáo và giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi các bị cáo thường trú cùng với gia đình để giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách.

Áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo D và K cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục các bị cáo và giao các bị cáo D và K cho chính quyền địa phương nơi các bị cáo thường trú cùng với gia đình để giám sát, giáo dục các bị cáo. Lẽ ra phải khấu trừ một phần thu nhập của bị cáo K và D để sung ngân sách Nhà nước, tuy nhiên hiện tại bị cáo K thường xuyên đầu ôm, đều là lao động tự do, bị cáo D chạy xe ôm, các bị cáo không có thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử miễn khấu trừ một phần thu nhập cho các bị cáo K và bị cáo D.

Áp dụng hình thức phạt tiền đối với các bị cáo A và Y cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục các bị cáo.

[4] Về hình phạt bổ sung và các vấn đề khác:

+ Hình phạt bổ sung

Đối với bị cáo Nguyễn Văn B là người khởi xướng ra việc đánh bạc. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét cần phạt bổ sung bị cáo B 10.000.000đồng (mười triệu đồng) để sung Ngân sách Nhà nước và nhằm giảm khả năng tái phạm của bị cáo.

Đối với các bị cáo Phạm Hồng J và Ngô Văn H là lao động chính trong gia đình, các bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn; bị cáo H phải nuôi một con nhỏ; bị cáo J nuôi ba con nhỏ. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo J và bị cáo H.

+ Các vấn đề khác:

Đối với 02 người lái xe taxi của hãng Mai Linh mà các bị cáo B, H, J, D và K đều khai đã cùng tham gia đánh bạc với B, nhưng do các bị cáo không biết rõ nhân thân, lai lịch của 02 người này nên Cơ quan điều tra chưa có căn cứ xử lý. Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, khi nào xác định được 02 đối tượng tên sẽ xem xét xử lý sau.

[5] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 tấm bạt kích thước (88 x 56)cm có in hình: Bầu, Cua, Tôm, Cá, Gà, Nai; 06 hột xúc sắc in hình Bầu, Cua, Tôm, Cá, Gà, Nai; 01 bát bằng kim loại (bát cũ đã qua sử dụng) và 01 đĩa tròn bằng kim loại (đĩa cũ đã qua sử dụng). Xét đây là công cụ mà các bị cáo thực hiện việc đánh bạc nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 6.790.000đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thu giữ tại chiếu bạc. Xét đây là số tiền mà các bị cáo dùng để đánh bạc được thu giữ tại chiếu bạc nên cần tịch thu sung Ngân sách Nhà nước.

Đối với các tài sản đã thu giữ của Nguyễn Văn B gồm: 3.500.000đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Xét đây là tiền bị cáo B dùng để đánh bạc nên cần tịch thu sung Ngân sách Nhà nước.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus (điện thoại cũ đã qua sử dụng) và 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1202. Xét đây là tài sản của bị cáo B không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn B.

Đối với tài sản đã thu giữ của Phạm Hồng J tổng cộng là 6.010.000đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, trong đó bị cáo J dùng 2.000.000đồng để đánh bạc nên cần tịch thu sung Ngân sách Nhà nước. Số tiền còn lại 4.010.000đồng và 01 điện thoại di động hiệu Oppo màu xanh đen (điện thoại đã qua sử dụng). Xét đây là tài sản của bị cáo J, không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo Phạm Hồng J.

Đối với tài sản đã thu giữ của Nguyễn Trường A tổng cộng là 2.500.000đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, trong đó bị cáo A dùng 400.000đồng để đánh bạc nên cần tịch thu sung Ngân sách Nhà nước. Số tiền còn lại 2.100.000đồng và 01 điện thoại di động hiệu Samsung A10 (điện thoại đã qua sử dụng). Xét đây là tài sản của bị cáo An, không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo Nguyễn Trường A.

Đối với tài sản đã thu giữ của Ngô Văn H tổng cộng là 6.516.000đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, trong đó bị cáo H dùng 500.000đồng để đánh bạc nên cần tịch thu sung Ngân sách Nhà nước. Số tiền còn lại 6.016.000đồng và chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo-F9 màu đen (điện thoại đã qua sử dụng). Xét đây là tài sản của bị cáo H, không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo Ngô Văn H.

Đối với tài sản đã thu giữ của Nguyễn An D, gồm: 7.500.000đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Xét đây là tài sản của bị cáo D, không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo Nguyễn An D.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn Y, quá trình tham gia đánh bạc bị cáo dùng 20.000đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam để tham gia đánh bạc nên buộc bị cáo Y phải nộp số tiền 20.000đồng để sung Ngân sách Nhà nước.

[6] Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Văn B, Phạm Hồng J, Ngô Văn H, Nguyễn Trường A, Thái Anh K, Nguyễn An D và Nguyễn Văn Y mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Về tội danh:**

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn B, Phạm Hồng J, Ngô Văn H, Nguyễn Trường A, Thái Anh K, Nguyễn An D và Nguyễn Văn Y phạm tội “*Đánh bạc*”.

**2. Về hình phạt:**

**Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ**

**sung năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Văn B;**

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B 01 (một) năm tù, (được trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 30-3-2020 đến ngày 08-4-2020), cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 29-01-2021.

Giao bị cáo Nguyễn Văn B cho Ủy Ban Nhân dân phường HL, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường HL, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp bị cáo Nguyễn Văn B thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Phạt bị cáo Nguyễn Văn B 10.000.000đồng (mười triệu đồng) để sung Ngân sách Nhà nước.

**Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Phạm Hồng J.**

- Xử phạt bị cáo Phạm Hồng J 09 (chín) tháng tù, (được trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 30-3-2020 đến ngày 08-4-2020), cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 29-01-2021.

Giao bị cáo Phạm Hồng J cho Ủy ban Nhân dân phường TN, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường TN, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp bị cáo Phạm Hồng J thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

**Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Ngô Văn H;**

- Xử phạt bị cáo Ngô Văn H 09 (chín) tháng tù, (được trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 30-3-2020 đến ngày 08-4-2020), cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 29-01-2021.

Giao bị cáo Ngô Văn H cho Ủy ban Nhân dân phường HT, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường HT, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp bị cáo Ngô Văn H thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

**Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 36; Điều 50 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo J Anh K.**

- Xử phạt bị cáo Thái Anh K 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ, thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Thái Anh K cho Ủy ban nhân dân phường TN, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường TN, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp bị cáo Thái Anh K thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật thi hành án hình sự năm 2019.

**Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 36; Điều 50 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn An D;**

- Xử phạt bị cáo Nguyễn An D 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ, thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Nguyễn An D cho Ủy ban nhân dân phường IaKring, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường IaKring, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp bị cáo Nguyễn An D thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật thi hành án hình sự năm 2019.

**Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 50 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Trường A và bị cáo Nguyễn Văn Y.**

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Trường A và bị cáo Nguyễn Văn Y mỗi bị cáo 20.000.000đồng (hai mươi triệu đồng) để sung ngân sách Nhà nước.

3. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và căn cứ khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Xử:

Tịch thu tiêu hủy 01 tấm bạt kích thước (88x56)cm có in hình: Bầu, Cua, Tôm, Cá, Gà, Nai; 06 hột xúc sắc in hình Bầu, Cua, Tôm, Cá, Gà, Nai; 01 bát bằng kim loại (bát đã cũ đã qua sử dụng) và 01 đĩa tròn bằng kim loại (đĩa cũ đã qua sử dụng).

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 10.290.000đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn B 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus (điện thoại cũ đã qua sử dụng) và 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1202.

Trả lại cho bị cáo Phạm Hồng J 4.010.000đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và 01 điện thoại di động hiệu Oppo màu xanh đen (điện thoại đã qua sử dụng).

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Trường A 2.100.000đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và 01 điện thoại di động hiệu Samsung A10 (điện thoại đã qua sử dụng).

Trả lại cho bị cáo Ngô Văn H 6.016.000đồng Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo-F9 màu đen (điện thoại đã qua sử dụng).

Trả lại cho bị cáo Nguyễn An D 7.500.000đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

(Tất cả theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 26-11-2020 giữa Công an thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai).

+ Buộc bị cáo Nguyễn Văn Y phải nộp 20.000đồng (hai mươi ngàn đồng) tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam để sung Ngân sách Nhà nước.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc: Các bị cáo Nguyễn Văn B, Phạm Hồng J, Ngô Văn H, Nguyễn Trường A, Thái Anh K, Nguyễn An D và Nguyễn Văn Y mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ vào các Điều 331 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- VKSND Tp. Pleiku;
- Công an Tp. Pleiku;
- Chi cục THADS Tp. Pleiku;
- Bị cáo, người bào chữa (nếu có);
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Văn Nhàn**

